

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

ngày 05/7/2021

*V/v yêu cầu không công nhận vợ
chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Giáp Văn Cương và ông Lương Văn Phúc

Thư ký phiên tòa: bà Mã Thư Viện - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà
Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2021 về việc: “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 685/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: **Đinh Thị Đ** - sinh năm 1981
Nơi cư trú: xóm H xã C huyện Q tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.
2. Bị đơn: **Đinh Văn B** - sinh năm 1976
Nơi cư trú: xóm H xã C huyện Q tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2021, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đinh Thị Đ trình bày:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Đinh Văn B không được tìm hiểu mà do người già mai mối, có tổ chức lễ cưới vào ngày 16/12/1996, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung một nhà ở xóm Kéo Bắc (nay là xóm Hưng Yên) xã Chí Thảo huyện Quảng Hòa và có với nhau con chung tên là Đinh V sinh năm 2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống, anh B hay uống rượu, không tu chí làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Do đó từ năm 2016 đến 2018 tôi đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài,

sau đó về nước và đi làm công nhân ở Thái Nguyên. Trong thời gian tôi đi lao động, tôi vẫn gửi tiền về cho con, còn anh B ở nhà không làm kinh tế gia đình, chỉ uống rượu qua ngày. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh B, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người sống một nơi từ năm 2016 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh B.

[1.2] Về con chung: có con chung tên là Đình V - sinh năm 2000, cháu đã trưởng thành, muốn sống với ai thì tùy.

[1.3] Về tài sản chung: Tôi không lấy, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đối với bị đơn Đình Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B công nhận về điều kiện kết hôn, về con chung đúng như chị Đ trình bày, nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn, từ khoảng hơn một năm nay chị Đ không về nhà, anh B xác định còn tình cảm vợ chồng, không nhất trí ly hôn, mà yêu cầu đoàn tụ gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh Đình Văn B. Còn bị đơn Đình Văn Ba trong quá trình lấy lời khai, anh B không nhất trí ly hôn, nhưng không đưa ra các biện pháp khắc phục nhằm hàn gắn vợ chồng về chung sống một nhà, mặt khác mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa, điều đó thể hiện anh Đình Văn B tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án này.

[4] Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong vụ án này những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa hôm nay, kết hợp với lời khai của chị Đ và các tài liệu chứng cứ cho thấy anh B thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, phát triển kinh tế gia đình là nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn, làm cho mục đích hôn nhân của chị Đ không đạt được, ngoài ra anh B tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi không tham gia tố tụng tại phiên tòa, do đó yêu cầu của chị Đ là có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Đình Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đình Thị Đ xác lập chung sống như vợ chồng với anh Đình Văn Ba từ tháng 12/1996 trên cơ sở không được tìm hiểu do gia đình

sắp đặt có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới sống chung một nhà ở xóm Kéo Bắc (nay là xóm Hưng Yên) xã Chí Thảo huyện Quảng Hòa và có với nhau con chung tên là Đinh V sinh năm 2000. Trong quá trình chung sống luôn phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống, anh B hay uống rượu, không tu chí làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Từ năm 2016 đến 2018 chị Đ đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, sau đó về nước thì đi làm công nhân ở Thái Nguyên đến nay, còn anh B ở nhà không làm kinh tế gia đình, chỉ uống rượu qua ngày.

Vì vậy, xét thấy yêu cầu của chị Đinh Thị Đ là có căn cứ.

[2] Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 146, 147, 205, 206, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị Đ với bị đơn Đinh Văn B. Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị Đ với anh Đinh Văn B là quan hệ vợ chồng.

[2] Về án phí: chị Đinh Thị Đ phải chịu 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0001891 ngày 04/5/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị Đinh Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Chí Thảo;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp